

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 14/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Ông Phạm Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **162/2023/TB-TLVA** ngày 01/11/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lưu Đức H, sinh năm 1986; Trú tại: Ấp 2, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Phương T, sinh năm 1985, trú tại: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (ông H vắng mặt; ông Tâm có mặt);

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị Bích H, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ 3, khu phố 3, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lưu Đức H và người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Phương T thống nhất trình bày:

Vào ngày 31/01/2023, ông Lưu Đức H cho bà Ngô Thị Bích H vay số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay tiền của bà H để kinh doanh. Do là chỗ quen biết từ trước nên tôi không tính lãi.

Hai bên giao nhận bằng tiền mặt, sau khi ký hợp đồng vay tiền chứ không lập biên bản giao nhận tiền riêng. Việc giao nhận tiền và ký hợp đồng vay tiền thực hiện tại nhà ông Hào.

Sau khi hết thời hạn vay 01 tháng, thì ông H có liên hệ bà H để yêu cầu trả lại tiền vay nhưng bà H vẫn cố tình không trả tiền vay cho ông Hào. Do đó, ông H mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Buộc bà Ngô Thị Bích H phải trả cho ông Lưu Đức H số tiền 400.000.000 đ (bốn trăm triệu đồng), và tiền lãi phát sinh do chậm trả từ khi hết thời hạn vay đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất quy định theo pháp luật là 0,83%/ tháng, tạm tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 06 tháng với số tiền là 19.920.000 đ (mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng);

Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1988 là vợ của ông H thống nhất với lời trình bày của chồng là ông H và người đại diện theo ủy quyền của ông H về số tiền cho vay là tiền riêng của chồng, không liên quan gì đến chị, nên chị không có ý kiến, yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Ngô Thị Bích H vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về thủ tục tổng đạt:

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn bà Ngô Thị Bích H và được Công an phường Minh Thành, cung cấp như sau: *Bà Ngô Thị Bích H, sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu phố 3, phường Minh Thành. Tuy nhiên, hiện nay bà H không có mặt tại địa phương đi đâu, làm gì không rõ. Nhưng chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác.*

Do đó, căn cứ các Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho người thân thích của bà H và niêm yết văn bản tố tụng để tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật;

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Đức H là ông Hồ Phương T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn bà H phải trả số tiền gốc 400.000.000 đồng đã vay cho ông H và xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất từ 1,5%/ tháng thành 0,83%/ tháng, tính từ ngày chậm trả 01/3/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 15 tháng 13 ngày thành tiền là 51.238.000 đồng;

- Bị đơn bà Ngô Thị Bích H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Đức H về

việc buộc bị đơn bà Ngô Thị Bích H trả tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định 0,83%/tháng.

Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn ông Lưu Đức H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Ngô Thị Bích H phải trả số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn bà Ngô Thị Bích H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 3, khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Bích H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, theo thông báo thụ lý vụ án là 1,5%/tháng thành 0,83%/tháng:

Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Đức H phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Đức H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Ngô Thị Bích H phải trả cho ông H số tiền vay là 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất theo pháp luật là 0,83%/ tháng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ là 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024 là 15 tháng, 13 ngày với số tiền lãi phát sinh là 51.238.000 đồng (*năm mươi một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*);

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, HĐXX xét thấy:

[3.1] Theo lời trình bày của ông H và người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Phương T thì vào ngày 31/01/2023 thì ông Lưu Đức H cho bà Ngô Thị Bích H vay số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay tiền của bà H để kinh doanh. Do là chỗ quen biết từ trước nên không tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

Theo giấy vay tiền đề ngày 31/01/2023 mà ông H cung cấp cho Tòa án, có chữ ký và điểm chỉ dấu vân tay của bà H thể hiện: *Hai bên ông H và bà H thỏa thuận số tiền vay là 400.000.000 đồng, lãi suất không có, không thể chấp, thời hạn vay là 01 tháng.*

Xét thấy, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông H và được Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thụ lý theo thông báo thụ lý số 162/2023/TLST-DS ngày 01/11/2023 về việc ông H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Ngô Thị Bích H trả cho ông H 400.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận là 1,5% /tháng và Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo này cho người thân thích của bà H là chị gái bà Ngô Thị Bích Đào và bà Đào cam kết giao lại cho bà H, nhưng bà H không có ý kiến hay phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Tuy nhiên, mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bà H không có ý kiến hay phản đối gì về việc nguyên đơn yêu cầu phải tiền vay và lãi phát sinh. Hơn nữa, tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh có quy định như sau: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”;

Như vậy, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự hiện hành về hợp đồng vay tài sản thì: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác*”. Do đó, việc bà H có vay của ông H số tiền 400.000.000 đồng nhưng đến thời hạn trả mà không trả nên ông H khởi kiện yêu cầu trả tiền vay nhưng bà H không phản đối nên yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi phát sinh:

Theo giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp thể hiện việc vay tiền không có lãi, nhưng sau khi hết thời hạn vay thì phía người vay là bà H không trả lại tiền cho ông H theo thỏa thuận. Vì vậy, ông H mới khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền gốc cũng như phải trả tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả....*”

Như vậy, đến hạn trả nợ mà bên vay là bà H không trả thì bên cho vay là ông H có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 là 10%/năm tương đương với 0,83%/ tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về số tiền lãi:

Thời điểm vi phạm là vào ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024 là 15 tháng 13 ngày : $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 15 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 51.238.000 \text{ đồng}$ (*năm mươi một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*);

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $451.238.000 \text{ đồng} \times 5\% = 22.049.520 \text{ đồng}$ (*hai mươi hai triệu không trăm bốn chín nghìn năm trăm hai mươi đồng*);

Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đức H về việc buộc bà Ngô Thị Bích H phải trả tiền vay gốc là 400.000. 000 đ (*bốn trăm triệu đồng*); và tiền lãi phát sinh từ tháng 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền lãi phải trả cho ông H là 51.238.000 đồng (*Năm mươi một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*); Tổng số tiền bà H phải trả cho ông H là 451.238.000 đồng (*bốn trăm năm mươi một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Ngô Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.049.520 đồng (*hai mươi hai triệu không trăm bốn chín nghìn năm trăm hai mươi đồng*);

Nguyên đơn ông Lưu Đức H không phải chịu. Trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông Lưu Đức H đã nộp là 10.440.000 đồng (*mười triệu bốn trăm bốn*

mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0012537 ngày 01/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Dương Thị Thúy

